

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27/10/ 2021

*V/v tranh chấp hôn nhân, gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đào Tiến Hùng và ông Phạm Đức Đông

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Chị Lê Thị L ủy quyền cho người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng: Ông Đặng Ngọc T - Luật sư Công ty luật TNHH B - Chi nhánh tại Hà Nam. Địa chỉ trụ sở của chi nhánh: đường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1988; Hộ khẩu cư trú trước khi đi nước ngoài: Xóm P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện anh S đang ở Đài Loan, không rõ địa chỉ. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2021, lời khai của nguyên đơn chị Lê Thị L và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc S kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2012 tại UBND xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận và ở tại Xóm

P, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam đã có một con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013. Do điều kiện kinh tế khó khăn, anh S đi lao động tại Đài Loan, năm 2017 anh S về nước khoảng 01 tháng, sau đó tiếp tục sang Đài Loan làm việc và sinh sống. Cuối năm 2019 chị L trao đổi với anh S về việc anh S về nước để vợ chồng cùng nhau làm việc, định cư tại Việt Nam nhưng anh S không đồng ý, vợ chồng ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm từ đầu năm 2020 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Anh Trần Ngọc S đang lao động tại Đài Loan, chị L đã nhiều lần xin địa chỉ nhưng anh S vẫn cố tình không cung cấp. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trần Ngọc S, đề nghị được nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

\* Tại phiên tòa:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, luật sư Đặng Ngọc T có ý kiến như sau: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc S là hợp pháp, anh chị đã có một con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013. Vợ chồng ly thân nhau đã lâu, anh S không quan tâm đến chị L, anh S có ý kiến thông qua anh trai là anh Trần Ngọc Q anh S đồng ý ly hôn chị L và đồng ý cho chị L nuôi dưỡng cháu B. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc S; giao cho chị L nuôi dưỡng cháu B, anh S không phải trợ cấp tiền nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

\* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam như sau:

Về việc tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S cố tình giấu địa chỉ đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo Công văn 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Ngọc S là hợp pháp. Vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013 đang do chị L nuôi dưỡng. Anh S đi lao động tại Đài Loan đã lâu, vợ chồng đã chấm dứt mọi quan hệ tình cảm; anh S có ý kiến thông qua anh Trần Ngọc Q đồng ý ly hôn chị L, chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh S và giao cho chị L tiếp tục

nuôi dưỡng cháu B, chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên được chấp nhận. Chị Lê Thị L tự nguyện chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nên được chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Ngọc S đang ở Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Do chị Lê Thị L không rõ địa chỉ, nơi cư trú của anh Trần Ngọc S ở nước ngoài. Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho bố, mẹ và anh Trần Ngọc Q anh trai anh S để thông tin cho bị đơn biết, có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Tòa án có văn bản hướng dẫn người thân anh S trình bày ý kiến bằng văn bản, đồng thời cung cấp địa chỉ anh S cho Tòa án. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú, nguyên quán của bị đơn theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 3 nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án theo Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự như ý kiến luật sư T và đại diện Viện kiểm sát.

Tại văn bản ngày 13 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ người làm chứng ông Trần Văn H và bà Lê Thị H1 bố, mẹ đẻ anh S là bị đơn theo quy định tại Điều 105 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét, Điều 105 Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định ủy thác thu thập chứng cứ “1. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án ***có thể*** ra quyết định ủy thác để Tòa án khác hoặc cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều này lấy lời khai của đương sự, người làm chứng..”. Tuy nhiên, ngày 06 tháng 8 năm 2021 Tòa án đã phối hợp với UBND xã Đ, huyện B, tỉnh Hà Nam thu thập ý kiến của anh Trần Ngọc Q anh trai của anh S như sau: Anh Q không biết địa chỉ anh S ở đâu tại Đài Loan. Anh Q đã nhận được các văn bản tố tụng của TAND tỉnh Hà Nam và đã thông báo cho anh S biết, anh S đã nhận các văn bản tố tụng qua phương thức điện tử. Anh S gọi điện cho anh Q có ý kiến nhất trí ly hôn chị L; do dịch bệnh covis anh S không gửi ý kiến bằng văn bản về Tòa án. Anh Q là anh trai anh S cam đoan nhận văn bản tố tụng và gửi văn bản tố tụng cho anh S là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm Sát cũng có quan điểm về việc chưa thu thập ý kiến của ông H, bà H1 là bố mẹ đẻ của anh S là do tình hình dịch covis diễn biến phức tạp, bố mẹ đẻ anh S ở xa nên đề nghị hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L với anh Trần Ngọc S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang ngày 03/8/2012. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị L và anh S sống ly thân, không chung sống cùng nhau đã lâu, điều đó chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L, anh S đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đồng ý ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình như ý kiến của luật sư, đại diện Viện Kiểm Sát và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị L, anh S có 01 con chung là cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013 đang do chị L nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cho chị L nuôi cháu B là phù hợp, chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên chấp nhận.

[4] Tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Chị L, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 469 và Điều 476 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Lê Thị L với anh Trần Ngọc S.

2. Giao chị Lê Thị L tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Ngọc B, sinh ngày 25/9/2013 đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0005752 ngày 15/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, chị L đã nộp đủ.

Chị Lê Thị L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Ngọc S vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Viện KSND tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- UBND xã N, huyện K;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Quốc Trưởng**